

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Vĩnh;
- Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lương Đăng C, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lương Đăng C trình bày:

Anh Lương Đăng C và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, tính cách, lối sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng, cuộc sống không có sự thông cảm, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng thực tế đã ly thân nhau hơn một năm nay, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị H. Về con chung: Anh Lương Đăng C trình bày vợ chồng có 02 con chung là Lương Đăng Văn M, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Lương Gia B, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011. Anh C có nguyện vọng nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H nhận nuôi hai con và các con có nguyện vọng ở với chị H thì anh nhất trí giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000đ/tháng. Về tài sản chung: Anh Lương Đăng C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về quan hệ vợ chồng, chị xác nhận anh C trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Theo chị H mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm chia sẻ được với nhau dẫn đến cãi vã, anh C không có lập trường, không quan tâm, chăm sóc chị H lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Hiện nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh C có đơn xin ly hôn, chị H không đồng ý vì chị H muốn các con có đủ cả bố mẹ. Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh C trình bày là đúng. Trường hợp anh C kiên quyết ly hôn thì chị nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ là không tuân thủ quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh C được ly hôn chị H. Về con chung: Giao cho chị H nuôi 02 con chung là Lương Đăng Văn M, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Lương Gia B, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011, anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000đ/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh C, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Anh C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là chị Bùi Thị H có nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 3 mặc dù được tổng đạt hợp lệ không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là anh C và bị đơn là chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không phù hợp, không thông cảm chia sẻ được với nhau. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng. Tại đơn xác nhận mâu thuẫn vợ chồng có xác nhận của địa phương và biên bản xác minh tại gia đình cũng xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng anh C và chị H hiện đã căng thẳng nên đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh C, chị H đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Do đó, anh C đề nghị ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh C và chị H có 02 con là Lương Đăng Văn M, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Lương Gia B, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011, anh C đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H nhận nuôi hai con và các con có nguyện vọng ở với chị H thì anh nhất trí giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000đ/tháng. Phía chị H đề nghị được nuôi 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các con anh C và chị H là cháu Minh và cháu Bảo đã trên 7 tuổi đều có đơn đề nghị được ở với chị H. Hiện tại chị H đang trực tiếp nuôi con, anh C làm lái xe có thu nhập ổn định và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000đ/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh C, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Anh Lương Đăng C được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng con Lương Đăng Văn M, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Lương Gia B, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011, anh Lương Đăng C cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lương Đăng C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí anh Lương Đăng C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001404 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, anh Lương Đăng C còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lương Đăng C và chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

